

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng và chế độ ăn ngày lễ, Tết, khi ốm đau đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 312/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng và chế độ ăn ngày lễ, Tết, khi ốm đau đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 241/BC-VHXH ngày 25 tháng 11 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng và chế độ ăn ngày lễ, Tết, khi ốm đau đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng được hưởng chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng là người đang sinh sống thực tế và có đăng ký thường trú tại tỉnh

Bà Rịa - Vũng Tàu từ hai năm trở lên thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Trẻ em từ 08 tuổi trở xuống thuộc hộ nghèo chuẩn quốc gia, hộ cận nghèo chuẩn quốc gia, hộ nghèo chuẩn của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà không thuộc một trong các trường hợp sau: Trẻ em đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng do Chính phủ quy định; trẻ em đang hưởng trợ cấp ưu đãi người có công, trợ cấp tuất từ trần.

b) Trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ cận nghèo chuẩn quốc gia, hộ nghèo chuẩn của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

c) Người nhiễm HIV/AIDS không có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng như tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng thuộc hộ cận nghèo chuẩn quốc gia, hộ nghèo chuẩn của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

d) Người thuộc diện hộ nghèo chuẩn của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chưa có chồng hoặc chưa có vợ; có chồng hoặc vợ nhưng đã chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật và đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc đang nuôi con từ 16 đến 22 tuổi và người con đó đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất (sau đây gọi chung là người đơn thân nghèo đang nuôi con).

đ) Người cao tuổi thuộc hộ cận nghèo chuẩn quốc gia, hộ nghèo chuẩn của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng (người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng bao gồm chồng/vợ, con ruột hoặc con nuôi được pháp luật công nhận) hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

e) Người từ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi không hưởng lương hưu, không hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, trợ cấp tuất từ trần (bao gồm tuất bảo hiểm xã hội và tuất người có công), trợ cấp xã hội hàng tháng khác thuộc một trong các trường hợp sau: người đồng bào dân tộc thiểu số, người đang sinh sống trên địa bàn huyện Côn Đảo, người hoạt động kháng chiến hoặc người có công giúp đỡ cách mạng hưởng trợ cấp một lần có chế độ đang quản lý tại địa phương.

g) Người bị bệnh ung thư, suy thận độ IV trở lên, suy tim độ III trở lên thuộc hộ nghèo chuẩn quốc gia, hộ cận nghèo chuẩn quốc gia hoặc hộ nghèo chuẩn của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Đối tượng được hưởng chế độ ăn ngày lễ, Tết, khi ốm đau là các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn theo quy định của Chính phủ đang được nuôi dưỡng trong các cơ sở trợ giúp xã hội công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bao gồm:

a) Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;

Mồ côi cả cha và mẹ;

Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;

Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;

Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;

Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

b) Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo.

c) Người cao tuổi thuộc diện được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật về người cao tuổi.

d) Trẻ em khuyết tật, người khuyết tật thuộc diện được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật về người khuyết tật.

đ) Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp bao gồm: nạn nhân của bạo lực gia đình; nạn nhân bị xâm hại tình dục; nạn nhân bị buôn bán; nạn nhân bị cưỡng bức lao động; trẻ em, người lang thang xin ăn trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú; đối

tượng cần bảo vệ khẩn cấp khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Người chưa thành niên, người không còn khả năng lao động là đối tượng thuộc diện chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc về chính sách trợ giúp xã hội

1. Chính sách trợ giúp xã hội được thực hiện kịp thời, công bằng, công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

2. Đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị quyết này chỉ được hỗ trợ nếu chưa được hưởng từ các chính sách khác.

3. Trường hợp một đối tượng thuộc nhiều diện đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

Điều 4. Trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng

1. Mức chuẩn trợ giúp xã hội làm căn cứ xác định mức trợ cấp xã hội cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là 450.000 đồng.

2. Mức trợ giúp xã hội hàng tháng

Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được trợ cấp xã hội hàng tháng với mức bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 1 Điều này nhân với hệ số tương ứng sau đây:

a) Hệ số 1,5 đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Hệ số 3,5 đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này dưới 04 tuổi và hệ số 3,0 đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này từ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi.

c) Hệ số 2,5 đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

d) Hệ số 2,0 đối với đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này đang nuôi một con và hệ số 3,0 đối với đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này đang nuôi từ hai con trở lên.

đ) Hệ số 2,5 đối với người từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi quy định tại điểm đ

khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này và hệ số 3,0 đối với người từ 80 tuổi trở lên quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

e) Hệ số 1,0 đối với đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này nhưng không thuộc hộ nghèo chuẩn quốc gia, hộ cận nghèo chuẩn quốc gia, hộ nghèo chuẩn của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và hệ số 2,0 đối với đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này thuộc hộ nghèo chuẩn quốc gia, hộ cận nghèo chuẩn quốc gia, hộ nghèo chuẩn của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

g) Hệ số 2,0 đối với đối tượng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

3. Hỗ trợ mua bảo hiểm y tế

Đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm y tế.

4. Hỗ trợ chi phí mai táng khi chết

Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ chi phí mai táng khi chết với mức là 7.200.000 đồng.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự thực hiện chính sách trợ giúp xã hội

1. Hồ sơ, trình tự thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng

a) Hồ sơ trợ cấp xã hội hàng tháng: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, cụ thể:

Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này thực hiện theo mẫu Tờ khai 1a ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

Đối tượng quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này thực hiện theo mẫu Tờ khai 1b ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

Đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này thực hiện theo mẫu Tờ khai 1c ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

Đối tượng quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này thực hiện theo mẫu Tờ khai 1d ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

Đối tượng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này thực hiện theo mẫu Tờ khai 1đ ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

b) Trình tự thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng: thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

2. Trình tự thực hiện hỗ trợ mua bảo hiểm y tế

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lập danh sách đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

3. Hồ sơ, trình tự thực hiện hỗ trợ chi phí mai táng

Thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

Điều 6. Chế độ ăn ngày lễ, Tết, khi ốm đau đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập

Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng chế độ ăn ngày lễ, Tết, khi ốm đau như sau:

1. Trong các ngày lễ và khi ốm đau phải điều trị nội trú tại cơ sở y tế, được hưởng chế độ ăn bằng 03 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường.

2. Trong các ngày Tết Nguyên đán, được hưởng chế độ ăn bằng 05 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường.

3. Giám đốc các cơ sở bảo trợ xã hội căn cứ quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ngày lễ, Tết trong năm và thời gian thực tế đối tượng bị ốm đau phải điều trị nội trú tại cơ sở y tế để thực hiện chế độ đúng quy định.

Điều 7. Quy định chuyển tiếp

Các đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 72/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ cận nghèo chuẩn quốc gia và hộ nghèo chuẩn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc diện tạm trú tiếp tục được hưởng chính sách trợ cấp xã hội theo quy định của Nghị quyết này cho đến khi thoát nghèo hoặc con của người đơn thân đủ 16 tuổi nhưng không còn đi học hoặc đủ 22 tuổi nếu người con đó còn đi học.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VII, Kỳ họp thứ Mười Bảy thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 72/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ cận nghèo chuẩn quốc gia và hộ nghèo chuẩn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

b) Nghị quyết số 119/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc nâng hệ số trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng thuộc hộ nghèo và chế độ tiền ăn ngày lễ, Tết, khi ốm đau cho đối tượng nuôi dưỡng trong các cơ sở trợ giúp xã hội của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

c) Nghị quyết số 121/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên đối với người cao tuổi và người mắc bệnh nan y của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu./.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- TTr. Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr. HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTr. HĐND và UBND các xã, phường, thị trấn;
- Website Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, SLĐT BXH, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Phạm Viêt Thanh